

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HAI BÀ TRUNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2020/HSST  
Ngày 23 tháng 9 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Hải Yên**

*Các hội thẩm nhân dân:* **1. Bà Vương Thúy Thìn**

**2. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga**

**- Thư ký phiên tòa:** **Bà Nguyễn Thị Lan** – Thư ký Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng - thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** **Bà Phạm Thị Mai** – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 23.9.2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 286/2020/HSST ngày 01.9.2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn T1**; Sinh năm: 1983. HKTT: Thôn Y, xã C, huyện T, Hà Nội. Nơi ở: Không cố định. Nghề nghiệp: Không. Văn hoá: 12/12. Con ông: Nguyễn Văn T. Con bà: Nguyễn Thị C. Danh chỉ bản số 203 ngày 16.03.2020 do công an quận Hai Bà Trưng cung cấp. Tiền án, tiền sự: Không. Đầu thú ngày 16.3.2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

\* Người bị hại: **Anh Cán Văn H** (sinh năm: 1985, HKTT và nơi ở: A, phường M, quận H, Hà Nội). Vắng mặt tại phiên tòa.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty L

Địa chỉ: T, phường T, quận H, Hà Nội.

Đại diện: Ông Vũ Ngọc L – Giám đốc công ty. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Doãn T2 (sinh năm: 1969; trú tại: Thôn B, xã B, huyện T, Hà Nội). Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Nguyễn Xuân C (sinh năm: 1985; trú tại: Y, C, T, Hà Nội). Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Khoảng 17 giờ ngày 07/6/2010, Nguyễn Văn T1 nhờ anh Cán Văn H (sinh năm: 1985, ĐKTT và nơi ở: A, phường M, quận H Hà Nội) thuê hộ T1 01 chiếc xe ô tô để T1 đi công việc. H đồng ý và điều khiển xe máy Honda Airblade BKS: 30X6-

0... chờ T1 đến Công ty L tại T, phường T, quận H, Hà Nội để thuê xe. Đến nơi, T1 ngồi đợi ở ngã tư Võ Thị Sáu – Trần Khát Chân, Hà Nội để anh Hải vào Công ty L thuê xe.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, anh Hải gặp anh Nguyễn Văn T3 (sinh năm: 1982, ĐKTT: xã Đ, huyện Đ, Hà Nội, là nhân viên Công ty L) và ký hợp đồng thuê xe ô tô tự lái nhãn hiệu Hyundai Getz, BKS: 30T -.... của Công ty L, thời hạn là 04 ngày, từ ngày 07/6/2010 đến ngày 11/6/2010, giá 550.000 đồng/ ngày. Anh H thế chấp cho Công ty L: 01 CMTND mang tên Cán Văn H và 01 chiếc xe máy Honda Airblade BKS: 30X6-.... Công ty L giao cho anh H: 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Getz, BKS: 30T -...., 01 đăng ký xe (phôtô công chứng), 01 sổ đăng kiểm (bản gốc), 01 bảo hiểm (bản gốc).

Sau khi thuê được xe, T1 rủ anh H đi đến huyện Thanh Oai, Hà Nội, mục đích để Tiến đến nhà anh Doãn T2 vay tiền. Khi đến xóm Chợ, xã Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội, anh H giao xe ô tô cho Nguyễn Văn T1. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T1 vào nhà anh Nguyễn Doãn T2 (sinh năm: 1969; chỗ ở: Thôn B, xã B, huyện T, Hà Nội) và bảo anh H đứng ngoài đợi. Nguyễn Văn T1 hỏi vay tiền anh Nguyễn Doãn T2 nhưng anh Nguyễn Doãn T2 không đồng ý. Do lúc đó có nhiều người đòi nợ nên Nguyễn Văn T1 nảy sinh ý định đặt lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Getz, BKS: 30T -.... để vay tiền. Nguyễn Văn T1 bảo anh H về trước, còn T1 có việc nên về sau. Sau khi thỏa thuận, Nguyễn Văn T1 đã viết giấy vay tiền 100.000.000 đồng của anh Nguyễn Doãn T2 và để lại 01 bằng lái xe mô tô mang tên Nguyễn Văn T1, 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Getz, BKS: 30T -.... để làm tin, thời hạn vay 6 ngày sẽ trả tiền và lấy xe về.

Khoảng 20 giờ ngày 08/6/2010, anh Hải bảo Nguyễn Văn T1 lấy lại xe máy đã đặt cho Công ty L để trả cho H. Sau đó, T1 đã làm việc với Công ty L lấy xe máy về trả H và đặt cọc 20.000.000 đồng (trong đó 17.000.000 đồng là tiền của T1 và 3.000.000 đồng là tiền của H). Anh Nguyễn Văn T3 làm lại hợp đồng thay cho bản hợp đồng ban đầu. Vì vậy trong hợp đồng có ghi thế chấp 20.000.000 đồng và 01 chứng minh thư nhân dân số 111.... (mang tên Cán Văn H) do công an Hà Nội cấp ngày 13/10/2009, giá thuê xe là 550.000 đồng/ ngày.

Đến ngày 11/6/2010 hết hạn hợp đồng thuê xe nhưng T1 không mang xe đến trả. Anh H gọi điện cho Nguyễn Văn T1 thì Nguyễn Văn T1 thông báo đã mang xe ô tô đi cầm cố để vay tiền 100.000.000 đồng nhưng chưa lấy xe về và hẹn hai ngày sau sẽ lấy xe trả anh H.

Ngày 12/6/2010 anh Hải đến Công ty L xin gia hạn hợp đồng thuê xe đến ngày 16/6/2010, mục đích chờ Nguyễn Văn T1 lấy xe về để trả cho công ty. Công ty L đồng ý và yêu cầu anh H viết giấy xin gia hạn hợp đồng.

Khoảng 01 ngày sau, anh Hải gọi điện cho Nguyễn Văn T1 thì T1 tắt máy, không liên lạc được. Ngày 14/6/2010, anh H đến Công ty L và thông báo xe ô tô trên giao cho Nguyễn Văn T1 và T1 mang đi đặt lấy tiền. Anh H đề nghị Công ty L có biện pháp thu hồi xe. Công ty L đã tìm và phát hiện xe ô tô trên tại xã Bình Minh, huyện Thanh Oai nên đã trình báo Công an xã Bình Minh, huyện Thanh Oai và đề nghị Công an xã Bình Minh tạm giữ xe.

Ngày 28/6/2010, anh Nguyễn Đàm L (Phó giám đốc Công ty L) có đơn trình báo gửi Công an quận Hai Bà Trưng đề nghị thu hồi chiếc xe ô tô và xử lý người liên quan theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T1 khai nhận như trên. Số tiền 100.000.000 đồng T1 dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Do không có khả năng trả tiền cho Nguyễn Doãn T2 để lấy xe ô tô về trả cho anh H nên T1 không liên hệ với anh H, anh Doãn T2 và bỏ trốn. H không biết và không bàn bạc gì về việc Nguyễn Văn T1 đặt xe ô tô để vay 100.000.000 đồng. Ngày 16/3/2020, Nguyễn Văn T1 đã đến Công an thành phố Hà Nội đầu thú.

Cơ quan công an đã thu giữ của anh Nguyễn Đàm L:

- 01 chứng minh thư nhân dân bản gốc số 111... mang tên Cán Văn H, sinh ngày: 08/07/1985, nguyên quán: P, T, Hà Nội. ĐKHKTT: L, M, H, Hà Nội do công an Hà Nội cấp ngày 13/10/2009.

- 01 bản phô tô phiếu kiểm tra tình trạng xe số xe 30T-..., kim đi .... khách hàng ký nhận là Cán Văn H.

- 01 bản gốc hợp đồng thuê xe số 01 ngày 07/6/2010, bên A: Công ty L, địa chỉ: T, H, Hà Nội. Bên B: Cán Văn H, địa chỉ: L, M, H, Hà Nội.

Thu giữ của anh Nguyễn Doãn T2:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Getz, BKS: 30T -..., SK: 92..., SM: 95....

- 01 sổ chứng nhận đăng kiểm số 000... của xe ô tô Hyundai Getz BKS 30T-..., SK: 92..., SM: 95... có dấu đỏ của Công ty L và dấu sao y bản chính ngày 16/3/2010.

- 01 bản phô tô đăng ký xe ô tô số 15... của xe ô tô Hyundai Getz BKS 30T-... có dấu đỏ của Công ty L và dấu sao y bản chính ngày 16/3/2010.

- 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số BB 0035...đối với xe ô tô Hyundai Getz BKS 30T-4..., SK: 92..., SM: 95....

- 01 giấy phép lái xe A1 số S7... mang tên Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1983, trú tại: C, T, Hà Nội.

- 01 giấy vay tiền (viết tay) ngày 07/6/2010 của Nguyễn Văn T1 đối với Nguyễn Doãn T2.

- 01 biên bản tiếp nhận (viết tay) ngày 24/6/2010 giữa anh Nguyễn Doãn T2 và Công an xã Bình Minh đối với chiếc xe ô tô Hyundai Getz BKS 30T-....

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 10/01/2011 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hai Bà Trưng kết luận: 01 xe ô tô Hyundai Getz BKS 30T-..., SK: 92..., SM: 95... có giá 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Cơ quan điều tra đã ra quyết định số 145/01.8.2011, trao trả chiếc xe ô tô trên cho Công ty L.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký tại Bản hợp đồng thuê xe, giấy vay tiền. Tại Kết luận giám định số 3585/KLGĐ-PC09-Đ4 ngày 13/5/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự, Công an thành phố Hà Nội kết luận:

1. Chữ viết phần nội dung, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Văn T1 (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T1 trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) là chữ do cùng một người ký ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T1 trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T1 trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

2. Chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ viết đứng tên Cán Văn H trên mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải là chữ do cùng một người viết ra.

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Cán Văn H (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ ký, chữ viết dòng họ tên Cán Văn H trên mẫu so sánh (ký hiệu M2) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Về bồi thường dân sự: Anh Cán Văn H, Nguyễn Đàm L không yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Anh Nguyễn Doãn T2 yêu cầu Nguyễn Văn T1 trả lại cho anh T2 100.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 279/CT/VKS-HS ngày 31.8.2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng thì bị cáo Nguyễn Văn T1 bị truy tố về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội danh và điều luật đã viện dẫn. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng: khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét xử bị cáo Nguyễn Văn T1 với mức hình phạt từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù.

Tang vật: - Trả lại cho anh Cán Văn H 01 chứng minh thư số 111... mang tên Cán Văn H.

- Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số S7... mang tên Nguyễn Văn T1.

Về bồi thường dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:***

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu trên. Bị cáo nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Thấy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07/6/2010, Nguyễn Văn T1 nhờ anh Cấn Văn H thuê hộ chiếc xe ô tô để làm phương tiện đi lại. Khoảng 19 giờ cùng ngày, anh Cấn Văn H đến Công ty L, địa chỉ T, phường T, quận H, Hà Nội ký hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Getz BKS 30T-... và giao xe ô tô cho Nguyễn Văn T1 tại xóm Chợ, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, Hà Nội sau đó đi về. Khoảng 21 giờ cùng ngày, do không có tiền trả nợ nên Nguyễn Văn T1 đã đặt xe ô tô Hyundai Getz BKS 30T-... cho anh Nguyễn Doãn T2 để vay 100.000.000 đồng. Đến hạn trả tiền cho anh Nguyễn Doãn T2 và lấy xe về trả cho Cấn Văn H nhưng do không có tiền nên Nguyễn Văn T1 đã bỏ trốn. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T1 đã phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản được Nhà nước bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng đến an toàn xã hội, bị Nhà nước quy định là tội phạm. Trong vụ án trong vụ án này, hành vi của bị cáo thể hiện bị cáo đã lợi dụng lòng tin của anh Hải để mượn xe của anh Hải và đem đi cầm cố lấy tiền. Cần xử lý nghiêm khắc trước pháp luật để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Hành vi phạm tội của bị cáo là chiếm đoạt xảy ra tại huyện Thanh Oai, theo lời khai ban đầu bị cáo khai có ý định lừa dối để mang xe đi đặt và sự việc chiếm đoạt xảy ra tại huyện Thanh Oai. Sau này, bị cáo thay đổi lời khai, khai khi vào đến huyện Thanh Oai bị cáo mới nảy sinh ý định đặt xe, khi đó anh Hải mới chuyển giao tài sản cho bị cáo. Ngoài 2 lời khai của bị cáo ra không có chứng cứ nào khác để xác định lời khai của bị cáo là đúng sự thật. Do vậy, để xác định theo hướng có lợi cho bị cáo, chấp nhận lời khai sau của bị cáo.

Mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo là chiếm đoạt xảy ra tại Thanh Oai. Đúng ra thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan tiến hành tố tụng huyện Thanh Oai. Xong do sự chỉ định của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội chỉ định Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng giải quyết cũng không trái quy định của pháp luật.

Xét nhân thân bị cáo Nguyễn Văn T1 chưa có tiền án, tiền sự. Tại tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Tài sản đã thu hồi trả lại cho người liên quan. Gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh Nguyễn Doãn T2 nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với loại tội này ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung bằng tiền được quy định tại khoản 5 điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo có nhiều khó khăn, bản thân không nghề nghiệp nên tòa không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Tang vật: - Trả lại cho anh Cấn Văn H 01 chứng minh thư số 111... mang tên Cấn Văn H. - Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số S7... mang tên Nguyễn Văn T1.

Về bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tiền và không yêu cầu bồi thường dân sự nên Tòa không xét.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

***Từ những nhận định trên!***

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội: “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”.

**Áp dụng:** khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 106, điều 136, điều 331, điều 333, điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử phạt:** Nguyễn Văn T1 **05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 16.3.2020.

Tang vật: - Trả lại cho anh Cấn Văn H 01 chứng minh thư số 111.... mang tên Cấn Văn H. - Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số S7... mang tên Nguyễn Văn T1.

Tang vật để tại chi cục thi hành án quận Hai Bà Trưng theo biên bản bàn giao vật chứng số 338/2020 ngày 27.8.2020 tại chi cục thi hành án quận Hai Bà Trưng.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND Quận Hai Bà Trưng;
- Công an Quận Hai Bà Trưng;
- THA Quận Hai Bà Trưng;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Hải Yến**

